

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

**“HỖ TRỢ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI
CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC XÃ IAMLĂH- HUYỆN KRÔNG PA”**

THÁNG 7/2001

Pleiku, ngày 25 tháng 11 năm 2001.

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN “HỖ TRỢ ÁP DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC XÃ IAMLĂH - HUYỆN KRÔNGPA”

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Gia Lai đã có nhiều cố gắng trong việc ổn định đời sống và phát triển Kinh tế - Xã hội. Tuy nhiên do điểm xuất phát thấp, một phần không nhỏ đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ Cách Mạng, nơi có tài nguyên lớn về rừng, đất đai, lao động ... nhưng cuộc sống của họ vẫn còn nghèo, đói và có nguy cơ tụt hậu xa so với các vùng khác trong tỉnh. Nguồn sống chủ yếu của họ là rừng với chế độ canh tác lạc hậu, phương thức canh tác hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên với các giống cây trồng, con vật nuôi của địa phương đã bị thoái hoá, do đó năng suất bấp bênh mà lại ảnh hưởng xấu đến tài nguyên môi trường. IaMLăH là một xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (Xã loại III) của tỉnh, cơ sở hạ tầng yếu kém và trên 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số nên còn nhiều khó khăn trong việc áp dụng các tiến bộ Khoa học - Công nghệ vào sản xuất và đời sống. Để từng bước áp dụng có hiệu quả các tiến bộ Khoa học - Công nghệ mới, khai thác nhanh những tiềm năng thế mạnh của xã, khắc phục tập quán canh tác lạc hậu theo lối quảng canh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, con vật nuôi theo hướng bền vững. Trên cơ sở những kết quả đạt được sẽ xây dựng các mô hình, điểm sáng về áp dụng Khoa học - Công nghệ mới vào sản xuất - đời sống, từ đó nhân rộng ra các vùng lân cận và toàn huyện Krông Pa. Được sự đầu tư hỗ trợ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong 02 năm 1999 - 2000; Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Gia Lai đã phối hợp với UBND Huyện Krông Pa tổ chức triển khai thực hiện dự án: **“Hỗ trợ áp dụng tiến bộ Khoa học - Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi cho đồng bào dân tộc Xã IaMLăH - Huyện Krông Pa”** trong khuôn khổ Chương trình nông thôn miền núi do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì thực hiện.

Qua 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã bám sát mục tiêu, hoàn thành toàn bộ nội dung được phê duyệt theo đúng tiến độ đề ra. -

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU VỀ

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA XÃ IAMLÃH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - TÀI NGUYÊN:

1. Phạm vi ranh giới:

Huyện Krông Pa nằm ở sườn phía Đông của dãy Trường Sơn trên bậc thềm chuyển tiếp giữa Cao nguyên và miền duyên hải Trung bộ; Krông Pa thuộc vùng thung lũng có độ cao trung bình 300 m nên khuất gió.

+ Phía Tây giáp huyện AYunPa.

+ Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên.

+ Phía Bắc giáp huyện Kong Chro.

+ Phía Nam giáp tỉnh ĐăkLak.

IaMLãH là một xã thuộc Huyện Krông Pa, nằm cách trung tâm huyện lỵ Krông Pa 10 Km về phía Bắc, cách Thành phố Pleiku 150 Km về phía Đông Nam.

2. Khí hậu thời tiết:

Xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: cuối mùa Hạ, mùa Thu và đầu mùa Đông mưa nhiều, đỡ nóng; mùa Đông và mùa Xuân đỡ lạnh, có mùa khô ngắn.

- Nhiệt độ trung bình năm 25,8 °C, tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 7- 8 (39,5 °C), tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 01 (10,5 °C); biên độ nhiệt giữa ngày và đêm là 7 - 8 °C.

- Lượng mưa hàng năm 1.500 - 1.700 mm, tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10 (350 mm), nhỏ nhất là tháng 12 (10 - 15 mm).

- Độ ẩm trung bình năm 75 -80%, tháng có độ ẩm trung bình cao nhất là tháng 11 (89%), tháng có độ ẩm trung bình thấp nhất là tháng 3 (24 - 30%).

3. Tài nguyên đất:

- Toàn xã có 02 loại đất chính.

+ Đất xám trên đá Macmaacid là loại đất cát pha chiếm 65 - 70% diện tích toàn xã.

+ Đất phù sa sông ngòi chiếm 20 -25% diện tích toàn xã.

+ Các loại đất khác chiếm khoảng 10%.

- Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 9.871,00 Ha.

Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp	: 652,70 Ha - chiếm 6,61%.
+ Đất lâm nghiệp	: 5.650,00 Ha - chiếm 57,24%.
+ Đất thổ cư	: 60,00 Ha - chiếm 0,61%.
+ Đất có khả năng nông nghiệp	: 3.500,00 Ha - chiếm 35,46%.
+ Đất khác	: 8,50 Ha - chiếm 0,08%.

Đại bộ phận đất canh tác có độ dày lớn, thành phần cơ giới nhẹ gồm cát pha và thịt nhẹ, giàu mùn và có độ pH: 5,5 - 6,5.

Nhìn chung đất đai của xã thích hợp cho cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực, đồng cỏ chăn nuôi ... và thích hợp cho việc phát triển cây Điều trên diện tích rộng.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Dân số:

Toàn xã có 415 hộ với 2.250 nhân khẩu; lao động 1.200 người chiếm 53,33% dân số toàn xã. Trong đó:

-Người dân tộc Jo Rai : 1920 người - chiếm 85,33% dân số của xã.

-Các dân tộc khác : 207 người - chiếm 14,67% dân số của xã.

Dân trí xã nói chung còn thấp so với nhiều vùng khác trong tỉnh.

Toàn xã có 25 gia đình Liệt sĩ với 28 liệt sĩ, 40 gia đình có công Cách Mạng và 01 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống:

IaMLaH là một xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn của tỉnh, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong những năm qua xã đã được đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; nên đến nay bộ mặt của xã đã từng bước thay đổi nhất là hệ thống giao thông, trường học, trạm xá Đến nay xã đã có đường giao thông nối liền xã với huyện, mặt đường rộng 5m, rải đá cấp phối thuận tiện cho giao thông đi lại. Ngoài những trường cấp I đã có từ trước, trong năm 1999 xã đã xây dựng mới 01 trường cấp II phục vụ cho công việc học tập của con em đồng bào dân tộc trong xã. Hiện nay huyện và tỉnh đang tiến hành nâng cấp cơ sở hạ tầng của xã để tiến hành xây dựng xã thành một điểm trung tâm cụm xã phía Bắc huyện Krông Pa.

3. Tình hình sản xuất:

Sản xuất của xã chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp, một số hộ bước đầu tổ chức sản xuất chế biến nông sản như: sấy thuốc lá, sơ chế hạt điều nhưng ở qui mô rất nhỏ và ở dạng thủ công.

Nông nghiệp trong xã chủ yếu là trồng cây lương thực: lúa, ngô, sắn ..., cây công nghiệp ngắn ngày: đậu đỗ, lạc, mè, thuốc lá ... Trong những năm 1996 trở lại đây xã đã phát triển mạnh cây Điều.

Hệ số sử dụng đất của xã là 1,25, năng suất đạt mức bình quân chung của toàn huyện, đặc biệt từ khi triển khai dự án đến nay năng suất một số loại cây trồng của xã như: lúa nước, lúa cạn, ngô lai, mè, thuốc lá ... đã tăng lên đáng kể. Ngoài trồng trọt đồng bào cũng đã phát triển mạnh chăn nuôi gia súc và gia cầm; toàn xã hiện có 30 con trâu, 2.250 con bò, 500 con dê, 1.500 con heo và 5.000 con gia cầm.

Từ năm 1999 trở lại đây đồng bào trong xã đã từng bước thực hiện sản xuất thâm canh, tăng vụ theo quy trình hướng dẫn nên năng suất các loại cây trồng, con vật nuôi đã không ngừng tăng lên.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ CỦA DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:

Áp dụng các tiến bộ khoa học - Công nghệ mới về: canh tác, giống cây trồng, con vật nuôi, công nghệ chế biến nông sản sau thu hoạch, cải tạo vệ sinh môi trường nhằm cải tạo và xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp. Tạo cơ sở khoa học cho việc khai thác và sử dụng hợp lý các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng, từng bước góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển, xoá đói giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư trong khu vực. Xây dựng mô hình mẫu, điểm trình diễn để nhân dân các xã xung quanh tham quan, học tập và làm theo từ đó nhân rộng ra toàn huyện.

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN:

I. Xây dựng mô hình thâm canh cây lương thực:

1.1. Thâm canh cây lúa nước:

Áp dụng giống lúa mới có năng suất cao: 13/2 và sử dụng qui trình kỹ thuật thâm canh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lai khuyến cáo.

*Qui mô đầu tư: 20,00 Triệu để thâm canh 5,0 Ha.

05 Ha x 4,00 Triệu đồng/ Ha = 20,00 Triệu đồng.

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH. CN & MT : 13,00 Triệu đồng.

-Sự nghiệp khoa học địa phương : 2,00 Triệu đồng.

-Nhân dân tự túc : 5,00 Triệu đồng.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư về: giống, vật tư và công nghệ kỹ thuật, nhân dân tự túc công lao động.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 2,5 Ha.

-Năm 2000: 2,5 Ha.

1.2. Thâm canh cây lúa cạn:

Áp dụng giống lúa cạn mới có năng suất cao: LC 88 - 66 và sử dụng qui trình kỹ thuật thâm canh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lai khuyến cáo.

*Qui mô đầu tư: 30,00 Triệu đồng để thâm canh 10,0 Ha.

10 Ha x 3,00 Triệu đồng/ Ha = 30,00 Triệu đồng.

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 17,00 Triệu đồng.

- Sự nghiệp khoa học địa phương : 3,00 Triệu đồng.
- Nhân dân tự túc : 10,00 Triệu đồng.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư về: giống, vật tư và công nghệ kỹ thuật, nhân dân tự túc công lao động.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 5,0 Ha.

-Năm 2000: 5,0 Ha.

2.Xây dựng mô hình trồng mới cây Điều ghép và thâm canh cây Điều kinh doanh:

Dự án xây dựng mô hình trồng mới cây Điều ghép có năng suất cao và thâm canh diện tích cây Điều đã trồng trong những năm trước để tăng năng suất cây trồng.

*Quy mô đầu tư: 70,00 Triệu đồng để trồng mới 05 Ha Điều ghép và thâm canh 5.0 Ha Điều kinh doanh.

-Trồng mới và chăm sóc Điều ghép : 51,57 Triệu đồng.

-Thâm canh Điều kinh doanh : 18,43 Triệu đồng.

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 50,00 Triệu đồng.

-Nhân dân tự túc : 20,00 Triệu đồng.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư về: giống, vật tư và công nghệ kỹ thuật, nhân dân tự túc công lao động.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 10,00 Ha; gồm:

+Trồng mới : 5,00 Ha.

+Thâm canh: 5,00 Ha.

-Năm 2000: 10,00 Ha.

+Chăm sóc Điều trồng mới: 5,00 Ha.

+Thâm canh : 5,00 Ha.

3.Xây dựng mô hình phát triển giống gia súc, gia cầm mới:

Dự án hỗ trợ xây dựng các mô hình cải tạo giống gia súc, gia cầm địa phương bằng các giống: bò Lai, dê Bách Thảo, gà Tam Hoàng; đồng thời qua đó hướng dẫn nhân dân các kỹ thuật: chăn nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh ... nhằm tăng số lượng và chất lượng đàn.

3.1.Mô hình phát triển bò giống lai Sind và Zebu:

*Quy mô đầu tư: 100,00 Triệu đồng để đầu tư hỗ trợ 25 con bò lai Sind và Zebu, thuốc thú y và theo dõi chỉ đạo về kỹ thuật.

*Hình thức đầu tư:

Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT hỗ trợ 100% vốn đầu tư: 100,00 Triệu đồng.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 10 con.

-Năm 2000: 15 con. -

3.2.Mô hình phát triển Dê Bách Thảo:

*Quy mô đầu tư: 90,00 Triệu đồng để đầu tư hỗ trợ 45 con dê Bách Thảo, thuốc thú y và theo dõi chỉ đạo kỹ thuật.

*Hình thức đầu tư:

Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT hỗ trợ 100% vốn đầu tư: 90,00 Triệu đồng.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 25 con.

-Năm 2000: 20 con.

3.3.Mô hình phát triển gà Tam Hoàng:

*Quy mô đầu tư: 30,00 Triệu đồng để đầu tư hỗ trợ 1.000 con gà giống Tam Hoàng, thức ăn, thuốc thú y và hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật.

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 25,00 Triệu đồng.

-Nhân dân tự túc : 5,00 Triệu đồng.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 500 con.

-Năm 2000: 500 con.

4.Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ mới:

Hỗ trợ nông dân áp dụng công nghệ sấy khô sản phẩm thuốc lá sợi vàng bằng lò sấy than, nhằm hạn chế thất thoát sản phẩm do bị ẩm mốc và nâng cao chất lượng lá thuốc theo đúng tiêu chuẩn qui định của cơ sở sản xuất thuốc lá trong nước.

*Quy mô đầu tư: 50,00 Triệu đồng để đầu tư hỗ trợ xây 05 lò sấy thuốc lá lá sợi vàng (10 Triệu đồng/ lò).

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 45,00 Triệu đồng.

-Nhân dân tự túc : 5,00 Triệu đồng.

*Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

-Năm 1999: 02 lò.

-Năm 2000: 03 lò.

5. Xây dựng mô hình chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân:

Dự án triển khai xây dựng các mô hình mẫu về cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường để nhân dân trong vùng học tập làm theo, trên cơ sở đó nhân rộng ra các vùng lân cận.

5.1. Mô hình chuồng trại chăn nuôi:

*Quy mô đầu tư: 30,00 Triệu đồng để xây dựng 15 chuồng trại chăn nuôi bò lai.

15 chuồng x 2,00 Triệu đồng/ Chuồng = 30,00 Triệu đồng.

*Hình thức đầu tư:

-Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 25,00 Triệu đồng.

-Nhân dân tự túc : 5,00 Triệu đồng.

Nhà nước hỗ trợ đầu tư về: vật tư, vật liệu, nhân dân tự túc gỗ và công lao động.

*Thời gian thực hiện: 01 năm 1999.

5.2. Mô hình sử dụng nước sạch:

*Quy mô đầu tư: 60,00 Triệu đồng để đầu tư hỗ trợ đào 10 giếng nước bơm lắc tay.

*Hình thức đầu tư:

Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT hỗ trợ 100% vốn đầu tư: 60,00 Triệu đồng.

*Thời gian thực hiện: 01 năm 1999.

6. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ:

Nhằm từng bước nâng cao năng lực, sự hiểu biết và ý thức áp dụng tiến bộ Khoa học - Công nghệ mới vào sản xuất - đời sống; dự án tổ chức:

-02 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi và vệ sinh môi trường cho nhân dân.

-02 đợt trình diễn kỹ thuật, hội nghị đầu bờ để phổ biến các kết quả thực hiện.

-02 khoá đào tạo kỹ thuật viên cơ sở cho vùng dự án.

-In ấn và phát hành các tài liệu kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi.

*Hỗ trợ quản lý và điều hành dự án.

*Quy mô đầu tư: 120,00 Triệu đồng.

- * Hình thức đầu tư:
- Chương trình NTMN Bộ KH, CN & MT : 75,00 Triệu đồng.
- Sự nghiệp khoa học địa phương : 45,00 Triệu đồng.

* Thời gian thực hiện: 02 năm 1999 - 2000.

III. KINH PHÍ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 600,00 Triệu đồng.

1. Xây dựng các mô hình thâm canh cây lương thực: 50,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương: 30,00 Triệu đồng.
 - Sự nghiệp khoa học địa phương : 5,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc (công lao động): 15,00 Triệu đồng.
2. Xây dựng mô hình trồng mới, thâm canh cây Điều: 70,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương : 50,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc công lao động : 20,00 Triệu đồng.
3. Xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc : 220,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương : 215,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc (công lao động): 05,00 Triệu đồng.
4. Xây dựng các mô hình áp dụng công nghệ mới : 50,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương : 45,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc (công lao động): 05,00 Triệu đồng.
5. Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe ban đầu : 90,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương : 85,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc (công lao động): 05,00 Triệu đồng.
6. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao tiến bộ KH - CN: 50,00 Triệu đồng.
Trong đó: Sự nghiệp khoa học Trung ương 100%.
7. Hỗ trợ quản lý và điều hành dự án: 70,00 Triệu đồng.
Trong đó:
 - Sự nghiệp khoa học Trung ương : 25,00 Triệu đồng.
 - Sự nghiệp khoa học địa phương : 45,00 Triệu đồng.

Tổng cộng: 600,00 Triệu đồng.
(Sáu trăm triệu đồng)

- Trong đó:
- Từ chương trình nông thôn miền núi Bộ KH, CN & MT: 500,00 Triệu đồng.
 - Từ nguồn sự nghiệp khoa học địa phương : 50,00 Triệu đồng.
 - Nhân dân tự túc (công lao động) : 50,00 Triệu đồng.

PHẦN THỨ BA

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các ngành liên quan của tỉnh cũng như sự hợp tác chặt chẽ của ủy ban nhân dân Huyện Krông Pa và các cơ quan chuyển giao Khoa học - Công nghệ đứng chân trên địa bàn tỉnh. Qua 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Ban chủ nhiệm dự án:

Sau khi được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt cho triển khai thực hiện dự án; Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Gia Lai đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Ban chủ nhiệm dự án gồm có 06 đồng chí:

- 01 đồng chí Phó giám đốc Sở KH, CN & MT - Trưởng ban, chủ nhiệm dự án.
- 01 đồng chí Phó chủ tịch UBND Huyện Krông Pa - Phó trưởng dự án.
- 01 đồng chí nguyên Phó giám đốc Sở KH, CN & MT - Thành viên.
- 01 đồng chí Trưởng phòng tổng hợp Sở KH, CN & MT - Thư ký.
- 01 đồng chí Trưởng phòng NN & PTNT Huyện Krông Pa - Thành viên.
- 01 đồng chí kế toán Sở KH, CN & MT - Kế toán dự án.

2. Công tác viên dự án:

Trên cơ sở làm việc với UBND Huyện Krông Pa và UBND Xã IaMLăh, Ban chủ nhiệm dự án đã ký kết hợp đồng triển khai thực hiện dự án với 04 đồng chí cộng tác viên gồm:

- 01 chuyên viên cao cấp của Sở KH, CN & MT.
- 01 chuyên viên của phòng NN & PTNT Huyện Krông Pa.
- 02 cán bộ của Xã IaMLăh.

Các cộng tác viên có trách nhiệm hỗ trợ cho Ban chủ nhiệm dự án:

- Chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được phê duyệt.
- Lựa chọn, ký kết các hợp đồng triển khai thực hiện những nội dung của dự án với các hộ thuộc diện đầu tư.
- Thay mặt Ban chủ nhiệm dự án quản lý, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các hộ thuộc diện đầu tư của dự án.
- Tổ chức các hội nghị tập huấn, hội nghị đầu bờ chuyển giao các tiến bộ Khoa học - Công nghệ.
- Theo dõi việc sử dụng các khoản đầu tư của dự án cho các hộ nông dân, phản ánh kịp thời những phát sinh của dự án với Ban chủ nhiệm.
- Tư vấn cho Ban chủ nhiệm dự án trong việc xây dựng các báo cáo định kỳ và báo cáo tổng kết.

3.Chon hộ đầu tư dự án:

Trước khi triển khai thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm dự án đã làm việc với UBND Huyện Krông Pa, UBND xã IaMLảH tổ chức họp dân ở các thôn, làng trong xã quán triệt tinh thần, bàn bạc biện pháp tổ chức thực hiện và chọn hộ đầu tư dự án. Trên cơ sở danh sách hộ tham gia dự án do các thôn, UBND Xã và UBND Huyện đề xuất; Ban chủ nhiệm dự án đã phân loại đối tượng, chọn hộ theo yêu cầu từng nội dung và ký kết hợp đồng triển khai thực hiện dự án với từng hộ nhận đầu tư theo từng mô hình cụ thể.

4.Cơ quan chuyển giao thực hiện dự án:

Trên cơ sở các nội dung của dự án đã được phê duyệt, Ban chủ nhiệm dự án đã tiến hành ký kết hợp đồng triển khai thực hiện từng nội dung dự án với các cơ quan chuyển giao Khoa học - Công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm giống bò Hà Tam.
- Trạm truyền giống gia súc Biển Hồ.
- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
- Công ty Thương mại Krông Pa.
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Krông Pa.
- Xí nghiệp in Gia Lai.

Sau 02 năm triển khai thực hiện dự án, từng cơ quan và thành viên tham gia dự án đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công và ký kết trong hợp đồng. Từng mô hình được triển khai thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra trọng đề cương chi tiết của dự án đã được phê duyệt.

Tổng kinh phí đã đầu tư hỗ trợ cho các hoạt động gián tiếp trong 02 năm 1999- 2000 là: 70,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã phê duyệt.

II.CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN VÀ CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ:

1.Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở:

- Đối tượng tham gia tập huấn: Trong 02 năm 1999 - 2000, dự án đã tổ chức 02 lớp đào tạo kỹ thuật viên cơ sở cho 40 học viên, thành phần tham gia gồm: cán bộ chủ chốt của xã, già làng, thanh niên, phụ nữ và những người có khả năng tiếp thu, áp dụng và truyền đạt các kiến thức về tiến bộ Khoa học - Công nghệ.

-Nội dung đào tạo: Lớp học đã tổ chức cho các học viên kết hợp giữa học lý thuyết với thực hành các chuyên đề:

+Kỹ thuật thâm canh cây Điều ghép: kỹ thuật trồng, chăm sóc và thâm canh cây Điều, kỹ thuật ghép Điều ...

- +Kỹ thuật chăn nuôi bò lai: nuôi dưỡng, phòng trừ dịch bệnh ...
- +Kỹ thuật chăn nuôi dê Bách Thảo: nuôi dưỡng, phòng trừ dịch bệnh ...
- +Kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng chính trong vùng: Lúa nước, Lúa Cạn, Ngô Lai, Thuốc lá, Đậu đỗ ...

Trong khi học ngoài những bài giảng, Ban tổ chức lớp học đã bố trí cho học viên tham quan thực tế mô hình và thao tác thực tế một số nội dung như: kỹ thuật ghép Điều, nhận dạng sâu bệnh hại cây trồng ... Kết quả hầu hết các học viên đã tiếp thu những kiến thức cơ bản do các giảng viên truyền đạt, sau khi về áp dụng có hiệu quả vào thực tế sản xuất và đã trở thành những tuyên truyền viên tích cực cho dự án trong suốt thời gian thực hiện.

2.Tập huấn kỹ thuật cho nông dân:

Trong 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật cho 200 lượt người trước khi triển khai thực hiện các mô hình; đối tượng là đại diện các hộ tham gia dự án và nhân dân trong vùng triển khai dự án, gồm các chuyên đề:

- Kỹ thuật thâm canh cây lúa nước.
- Kỹ thuật thâm canh cây lúa cạn.
- Kỹ thuật trồng mới cây Điều ghép và thâm canh cây Điều.
- Kỹ thuật thâm canh cây Ngô lai.
- Kỹ thuật thâm canh thuốc lá sợi vàng.
- Kỹ thuật chăn nuôi bò Lai.
- Kỹ thuật chăn nuôi dê Bách Thảo.
- Kỹ thuật chăn nuôi gà Tam Hoàng.
- Chuyên đề vệ sinh môi trường nông thôn: sử dụng nước sạch, làm chuồng trại chăn nuôi ...

Qua tập huấn các hộ tham gia dự án đã nắm bắt được các tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt và chăn nuôi, áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất của các mô hình. Qua đó đã góp phần tích cực vào việc hình thành ý thức áp dụng tiến bộ Khoa học - Công nghệ mới vào sản xuất - đời sống trong cộng đồng dân cư của vùng dự án.

3.Hội thảo đầu bờ, nhân rộng mô hình:

Trên cơ sở kết quả thực hiện của các mô hình, Ban chủ nhiệm dự án đã tổ chức 02 Hội nghị đầu bờ với 100 lượt người tham gia vào tháng 12/ 1999 và tháng 12/ 2000 để nhân dân trong vùng tham quan học tập kinh nghiệm, trên cơ sở đó nhân rộng ra các vùng lân cận, gồm các mô hình: chăn nuôi bò Lai, dê Bách thảo, gà Tam Hoàng, thâm canh cây lúa nước, cây Điều, sử dụng nước sạch, chuồng trại chăn nuôi. Hội nghị đã tiến hành các nội dung:

- Đại diện hộ nông dân tham gia dự án trình bày kinh nghiệm triển khai thực hiện, kết quả đạt được và kết quả đầu tư của mô hình.

-Các đại biểu tham gia Hội nghị đặt những câu hỏi, các hộ tham gia dự án trả lời.

-Cơ quan chuyên giao Khoa học - Công nghệ làm rõ những vấn đề về chuyên môn kỹ thuật.

-Ban chủ nhiệm dự án tổng kết từng mô hình, rút kinh nghiệm những việc đã làm được và chưa làm được.

Kết quả các mô hình của dự án đã được các tổ chức đoàn thể trong xã, huyện tiếp nhận, tuyên truyền rộng rãi trong các cuộc họp và vận động hội viên làm theo.

4. In ấn và phát hành tài liệu kỹ thuật:

-Trong năm 1999, Ban chủ nhiệm dự án đã phối hợp với cán bộ kỹ thuật của các cơ quan ứng dụng và chuyên giao công nghệ tiến hành soạn thảo, in ấn 09 bộ tài liệu kỹ thuật với số lượng 900 bản, hướng dẫn về trồng trọt và chăn nuôi đối với các loại cây trồng, con vật nuôi chính trong vùng triển khai dự án, gồm:

- Kỹ thuật thâm canh cây lúa nước.
- Kỹ thuật thâm canh cây lúa Cạn.
- Kỹ thuật trồng, thâm canh cây Điều.
- Kỹ thuật thâm canh cây Ngô lai.
- Kỹ thuật kỹ thuật thâm canh cây thuốc lá sợi vàng.
- Kỹ thuật thâm canh cây đậu xanh.
- Kỹ thuật chăn nuôi bò Lai.
- Kỹ thuật chăn nuôi dê Bách Thảo
- Kỹ thuật chăn nuôi gà Tam Hoàng.

-Dự án đã xây dựng 01 băng hình về tình hình, kết quả chuyển giao thực hiện của các mô hình để phát trên Đài Truyền hình tỉnh, huyện nhằm phổ biến rộng rãi cho nhân dân biết, học tập, làm theo và nhân rộng mô hình. Các loại tài liệu kỹ thuật đã phát cho 200 hộ nông dân tham gia dự án và các học viên trong các đợt tập huấn kỹ thuật. Bộ tài liệu đã được các cơ quan chuyên môn của tỉnh, huyện và các hộ nông dân sử dụng có hiệu quả trong sản xuất.

Tổng kinh phí đã đầu tư hỗ trợ để thực hiện nội dung này trong 02 năm 1999 - 2000 là: 50,00 Triệu đồng - đạt 100% kinh phí đã được phê duyệt.

III. MÔ HÌNH THÂM CANH CÂY LƯƠNG THỰC:

Toàn Xã có 355 Ha lúa các loại, từ năm 1999 trở về trước cơ cấu giống chưa được cải tạo, 100% diện tích nông dân sử dụng giống địa phương đã bị thoái hoá, có năng suất thấp và hầu hết chưa áp dụng qui trình kỹ thuật thâm canh theo hướng dẫn. Để từng bước áp dụng các giống mới có năng suất cao và qui trình kỹ thuật tiên tiến, dự án đã hỗ trợ xây dựng các mô hình thâm canh về cây lúa nước và lúa cạn.

1. Thâm canh cây lúa nước:

Trong những năm trước 1996 diện tích lúa nước của xã chưa được áp dụng qui trình kỹ thuật thâm canh và hầu hết sử dụng các giống cũ chưa được phục tráng nên năng suất hàng năm đạt thấp: 3,50 - 4,00 Tấn/Ha/ Vụ. Trong 02 năm 1999 - 2000, dự án đã đầu tư xây dựng mô hình thâm canh kết hợp với việc sử dụng giống lúa mới có năng suất cao 13/2. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

1.1. Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cây lúa nước cho các hộ gia đình tham gia dự án.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMLăh triển khai ký kết hợp đồng với từng hộ nông dân và trực tiếp chỉ đạo sản xuất cây lúa nước vụ mùa.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình và chỉ đạo kỹ thuật trong suốt thời gian thực hiện dự án.

1.2. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

- Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật thâm canh cây lúa nước cho các hộ nông dân trong xã; tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

- Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật thâm canh cây lúa nước cho 200 lượt người, với các nội dung:

+ Kỹ thuật làm đất.

+ Kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ, bón phân.

+ Kỹ thuật phòng chống, trừ sâu bệnh.

+ Thu hoạch và chọn, giữ giống lúa nước ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật và thực hiện các mô hình, các hộ trồng lúa nước trong xã đã nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản trong thâm canh cây lúa nước.

1.3. Tình hình và kết quả thực hiện:

- Diện tích đầu tư: 5,00 Ha.

+ Năm 1999: 2,50 Ha.

+ Năm 2000: 2,50 Ha.

* Kinh phí đã đầu tư: 20,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+ Năm 1999: 10,00 Triệu đồng.

+ Năm 2000: 10,00 Triệu đồng.

- Số tham gia: 20 Hộ.
- +Năm 1999: 10 Hộ.
- +Năm 2000: 10 Hộ.
- Giống lúa: 13/ 2.
- Thời gian: vụ mùa năm 1999 và năm 2000.
- Quy trình kỹ thuật: theo qui trình của Sở NN & PTNT Gia Lai.
- +Phân hữu cơ : 12,5 Tấn (2,5 Tấn/ Ha).
- +Phân vô cơ các loại : 1.900 Kg (380 Kg/ Ha).
- +Thuốc trừ sâu, bệnh : 10 lít (2 lít/ Ha).
- Năng suất: đạt 6 Tấn/ Ha.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã giúp cho các hộ nông dân trong xã tiếp cận với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và tạo điều kiện cho việc cải tạo cơ cấu giống lúa nước trong xã. Năng suất cây lúa nước đã tăng lên đáng kể từ 3.50 - 4,00 Tấn/ Ha/ vụ lên 6,00 Tấn/ Ha/ vụ, nhân dân đã giữ giống và nhân rộng ra toàn vùng. Qua theo dõi nhận thấy giống 13/ 2 rất phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của xã; khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, chịu phân cao và tỉ lệ hạt lép thấp.

Một số đặc tính sinh học của giống 13/ 2 tại địa bàn xã IaMLaH:

- Ngày gieo : 10/ 7.
- Ngày trổ : 05/ 11.
- Ngày thu hoạch : 05/ 12.
- Thời gian sinh trưởng : 145 ngày.
- Chiều cao cây : 90 - 100 cm.
- Số khóm/ m² : 85 - 90 khóm.
- Số nhánh/ khóm : 4 - 5 nhánh.
- Số nhánh hữu hiệu : 2 nhánh.
- Chiều dài bông : 20 - 22 cm.
- Số hạt chắc/ bông : 180 - 190 hạt.
- P₁₀₀₀ hạt : 23 gam.

2.Thâm canh cây lúa cạn:

Diện tích cây lúa cạn của xã rất lớn (340 Ha) nhưng trong thời gian qua nhân dân chỉ canh tác theo lối quảng canh với các giống địa phương đã bị lẫn tạp, thoái hoá nên năng suất rất thấp, năng suất chưa bao giờ đạt 1,00 Tấn/ Ha, cá biệt có năm chỉ đạt 0,4 - 0,5 Tấn/ Ha. Trong 02 năm 1999 - 2000, dự án đã đầu tư xây dựng mô hình thâm canh kết hợp với việc sử dụng giống mới LC⁸⁸⁻⁶⁶. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

2.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cây lúa cạn cho các hộ gia đình tham gia dự án.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMlăh triển khai ký kết hợp đồng với hộ nông dân và trực tiếp chỉ đạo thâm canh cây lúa cạn.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình, chỉ đạo kỹ thuật trong suốt thời gian thực hiện dự án.

2.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật thâm canh cây lúa cạn cho các hộ nông dân trong xã; tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật thâm canh cây lúa cạn cho 200 lượt người, với nội dung:

+Kỹ thuật làm đất.

+Kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ, bón phân.

+Kỹ thuật phòng, trừ sâu bệnh.

+Thu hoạch và chọn, giữ giống lúa cạn ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật và thực hiện các mô hình, các hộ trồng lúa cạn trong xã đã nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản trong thâm canh cây lúa cạn.

2.3.Tình hình và kết quả thực hiện:

-Diện tích: 10,00 Ha.

+Năm 1999: 5,00 Ha.

+Năm 2000: 5,00 Ha.

-Kinh phí đã đầu tư: 30,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Năm 1999: 15,00 Triệu đồng.

+Năm 2000: 15,00 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 20 Hộ.

+Năm 1999: 10 Hộ.

+Năm 2000: 10 Hộ.

-Giống lúa: LC₈₈₋₀₆.

-Thời gian: vụ mùa năm 1999 và năm 2000.

-Qui trình kỹ thuật: theo qui trình của Sở NN & PTNT Gia Lai.

+Phân hữu cơ : 10,00 Tấn (1,0 Tấn/ Ha).

+Phân vô cơ các loại : 2.400 Kg (240 Kg/ Ha).

-Năng suất: đạt 1,5- 2,0 Tấn/ Ha.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã giúp các hộ nông dân trong xã tiếp cận với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và tạo

điều kiện cho việc cải tạo cơ cấu giống lúa cận trong xã. Năng suất cây lúa cận đã tăng đáng kể từ 0,7 - 0,8 Tấn/ Ha/ vụ lên 1,50 Tấn - 2,00Tấn/ Ha/ vụ (cá biệt có hộ đạt trên 2,00 Tấn/ Ha), nhân dân đã giữ giống và nhân rộng ra toàn vùng. Qua theo dõi nhận thấy giống LC_{ss-06} rất phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của xã; có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt, chống chịu sâu bệnh khá và tỉ lệ hạt lép thấp.

Một số đạt tính sinh học của giống LC_{ss-06} tại địa bàn xã IaMlăh:

- Ngày gieo : 20/ 6.
- Ngày trổ : 26/ 9.
- Ngày thu hoạch : 26/ 10.
- Thời gian sinh trưởng : 126 ngày.
- Chiều cao cây : 70 - 90 cm.
- Số khóm/ m² : 40 - 45 khóm.
- Số nhánh/ khóm : 9- 10 nhánh.
- Số nhánh hữu hiệu : 3 - 4 nhánh.
- Chiều dài bông : 20 - 22 cm.
- Số hạt chắc/ bông : 85 - 90 hạt.
- P₁₀₀₀ hạt : 22 gam.

IV.MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY ĐIỀU:

Cây Điều là cây công nghiệp dài ngày vừa có ý nghĩa trong việc phủ xanh đất trống đồi núi trọc, vừa có ý nghĩa rất lớn về mặt kinh tế; do đó trong những năm qua đã được Đảng bộ và nhân dân huyện Krông Pa xác định là một trong những cây trồng chính của huyện và sẽ tập trung phát triển đạt 10.000 Ha và năm 2010. Đến năm 2000, toàn huyện có 4.065 Ha, trong đó xã IaMlăh có 386,49 Ha - chiếm 9,5% diện tích Điều của toàn huyện; tuy nhiên do chưa coi trọng công tác giống và kỹ thuật canh tác còn hạn chế, đặc biệt là khâu bảo vệ thực vật nên năng suất trong năm qua đạt năng suất thấp, mới chỉ 3,0 - 3,5 Tạ/ Ha.

Dự án đã chọn khâu cải tạo giống và đầu tư thâm canh làm khâu đột phá để tăng năng suất và chất lượng hạt Điều của vùng dự án; từ đó xây dựng mô hình và nhân rộng ra toàn huyện Krông Pa.

-Diện tích: 15,00 Ha.

+Trồng mới và chăm sóc Điều ghép: 5,00 Ha.

+Thâm canh Điều kinh doanh : 10 Ha/ 2 năm.

-Kinh phí đã đầu tư: 70,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Trồng mới và chăm sóc Điều ghép: 51,57 Triệu đồng.

+Thâm canh Điều kinh doanh: : 18,43 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 23 Hộ.

+Trồng mới Điều ghép : 10 Hộ.

+Thâm canh tăng năng suất : 13 Hộ.

1.Mô hình phát triển cây Điều ghép:

Nhằm từng bước cải tạo giống Điều của vùng bằng các giống Điều ghép có năng suất cao, chất lượng tốt; dự án đã đầu tư cho nhân dân trong xã xây dựng các mô hình phát triển cây Điều bằng giống ghép. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

1.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... Với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn thâm canh cây Điều ghép cho hộ gia đình tham gia dự án.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMLăh triển khai ký hợp đồng với hộ nông dân và trực tiếp chỉ đạo trồng mới, chăm sóc cây Điều ghép.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình trong suốt thời gian thực hiện dự án.

1.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật thâm canh cây Điều ghép cho các hộ nông dân trong xã; tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật thâm canh cây Điều ghép cho 200 lượt người, với nội dung:

+Kỹ thuật làm đất.

+Kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ, bón phân.

+Kỹ thuật phòng, trừ sâu bệnh.

+Thu hoạch và sơ chế bảo quản hạt Điều ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật và thực hiện các mô hình, các hộ trồng Điều trong xã đã nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản trồng, chăm sóc cây Điều ghép.

1.3.Tình hình và kết quả thực hiện:

-Diện tích: 5,00 Ha.

+Năm 1999: đầu tư trồng mới.

+Năm 2000: đầu tư chăm sóc.

-Kinh phí đã đầu tư: 51,57 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Năm 1999: 45,00 Triệu đồng.

+Năm 2000: 6,57 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 10 Hộ.

- Giống Điều ghép: do Trung tâm giống nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học nông nghiệp miền nam chuyển giao.
- Quy trình kỹ thuật thâm canh: theo qui trình của Sở NN & PTNT Gia Lai.
- Thời gian: Trong 02 năm 1999 - 2000.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã giúp cho các hộ nông dân trong xã tiếp cận với việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác cải tạo cơ cấu giống Điều trong xã. Đến nay diện tích Điều ghép sinh trưởng, phát triển tốt và thích nghi điều kiện sinh thái của vùng; từ kết quả của mô hình, trong năm 2001 tỉnh đã đầu tư cho huyện Krông Pa xây dựng vườn Điều ghép giống. Tuy nhiên do thời gian đầu tư thực hiện của dự án quá ngắn so với chu kỳ dài ngày của cây Điều, nên đến nay chưa có số liệu cụ thể để đánh giá hiệu quả kinh tế đã đầu tư.

2.Mô hình thâm canh cây Điều kinh doanh:

Với mục đích xây dựng các mô hình mẫu về áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật mới để thâm canh, tăng năng suất cây trồng; dự án đã đầu tư cho nhân dân trong xã xây dựng các mô hình thâm canh cây Điều trên diện tích cây Điều đã trồng trong những năm trước. Dự án đã tập trung đầu tư vào các khâu: chăm sóc, bón phân và phòng trừ sâu bệnh.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

2.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... Với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn thâm canh cây Điều ghép cho hộ gia đình tham gia dự án.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMLăh triển khai ký hợp đồng với hộ nông dân và trực tiếp chỉ đạo thâm canh cây Điều ghép.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình trong suốt thời gian thực hiện dự án.

2.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật thâm canh cây Điều ghép cho 200 lượt người, với nội dung:

- +Kỹ thuật làm đất.
- +Kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ, bón phân.
- +Kỹ thuật phòng, trừ sâu bệnh.
- +Thu hoạch và sơ chế bảo quản hạt Điều ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật và thực hiện các mô hình, các hộ trồng Điều trong xã đã nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản trồng trong thâm canh cây Điều ghép.

2.3. Tình hình và kết quả thực hiện:

-Diện tích: 10,00 Ha.

+Năm 1999: 05 Ha.

+Năm 2000: 05 Ha.

-Kinh phí đã đầu tư: 18.43 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Năm 1999: 11,72 Triệu đồng.

+Năm 2000: 6,715 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 13 Hộ.

-Quy trình kỹ thuật thâm canh: theo quy trình của Sở NN &PT NT Gia Lai.

-Thời gian: Trong 02 năm 1999 - 2000.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án giúp cho các hộ nông dân trong xã tiếp cận với việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và thay đổi tập quán canh tác từ quảng canh sang thâm canh, có sử dụng phân bón và bảo vệ thực vật. Năng suất cây Điều đã tăng gấp 2,5 lần so với những năm trước, đạt xấp xỉ: 7,5- 8,00 Tạ/ Ha. Đến nay hàng năm nhân dân trong xã IaMLăh nói riêng và huyện Krông Pa nói chung đã tiến hành thâm canh cây Điều như: làm cỏ, tỉa cành, bón phân, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh ...

V. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM:

Xã IaMLăh có điều kiện đất đai, thời tiết rất thuận lợi để phát triển đàn gia súc, gia cầm: Bò, Dê, Gà ... với qui mô lớn. Tuy nhiên do tập quán sản xuất, chăn nuôi còn lạc hậu nên phần lớn các giống gia súc, gia cầm là những giống địa phương có năng suất thấp. Nhằm từng bước nâng cao số lượng và cải tạo chất lượng đàn gia súc, gia cầm: phát triển chăn nuôi Bò Lai, phát triển chăn nuôi Dê Bách Thảo và nuôi Gà Tam Hoàng.

1. Mô hình chăn nuôi Bò Lai:

Bò Lai Sind và Zebu đã được du nhập vào nước ta từ lâu, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu thời tiết và cho năng suất cao. Tại Gia Lai, các giống bò này đã được nuôi ở một số vùng trong tỉnh, cho hiệu quả kinh tế - kỹ thuật cao hơn rất nhiều so với giống bò địa phương. Mỗi năm bò cái sinh 01 bê con, sau 12 tháng tuổi bê con đạt trọng lượng 100 - 120 Kg/ con. Để phát triển nhanh số lượng và cải tạo tằm vóc, thể hình đàn bò địa phương nhằm nâng cao năng suất thịt và mang lại hiệu quả kinh tế; dự án đã đầu tư bò lai Sind, Zebu giống cho các hộ gia đình trong xã. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

1.1. Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... với Trung tâm giống bò Hà Tam của tỉnh Gia Lai.

-Trung tâm giống bò Hà Tam tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn chăn nuôi và giao giống đến hộ gia đình trong diện đầu tư của dự án.

-Trung tâm giống bò Hà Tam phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa, UBND xã IaMLáH triển khai ký kết hợp đồng với hộ nông dân và giao, nhận bò giống.

-Trung tâm đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình suốt trong thời gian thực hiện dự án.

1.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật chăn nuôi bò lai cho các hộ nông dân trong xã; tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

- Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò lai Sind và Zebu cho 200 lượt người, với các nội dung:

+Đặc điểm giống bò lai.

+Yêu cầu chuồng trại: có mái che, nền khô ráo, diện tích đảm bảo 3 - 4 m²/con, đảm bảo mùa đông ấm và mùa hè mát.

+Kỹ thuật nuôi dưỡng: thức ăn, chăm sóc, chăn thả, lai tạo giống, sinh sản...

+Vệ sinh thú y và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh: trước khi giao bò đến hộ nông dân, Trung tâm đã tiến hành tiêm phòng dịch lở mồm long móng. Trong quá trình theo dõi, chăm sóc, bò đã được tiêm phòng định kỳ các loại dịch bệnh: THT, DT, tẩy sán lá gan ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật, các hộ chăn nuôi bò trong xã đã cơ bản nắm bắt được các yếu tố kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng giống bò lai.

1.3.Cung cấp bò giống:

Giống bò lai Sind, Zebu đưa xuống đã được nuôi thích nghi tại Trung tâm giống bò Hà Tam. Bò giống đã được chọn lọc đảm bảo đầy đủ các đặc điểm của giống, cả bò đực và bò cái đều ở độ tuổi 20 - 22 tháng tuổi, đảm bảo trọng lượng (bình quân đạt 175 - 220 Kg/ con), có ngoại hình đẹp, khỏe mạnh, không bệnh tật và được tiêm phòng vắc xin phòng bệnh.

TÌNH HÌNH CUNG CẤP GIỐNG BÒ LAI SIND VÀ ZEBU

<i>Năm</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Bò đực giống</i>	<i>Bò cái sinh sản</i>	<i>Số mô hình</i>
1999	10	05	05	10
2000	15	08	07	16
Cộng:	25	13	12	25

-Kinh phí đã đầu tư: 100,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

- +Năm 1999: 40,00 Triệu đồng.
- +Năm 2000: 60,00 Triệu đồng.
- Số hộ tham gia: 25 Hộ (01 con/ Hộ).

1.4.Kết quả theo dõi, quản lý mô hình:

Cán bộ kỹ thuật trực tiếp theo dõi các mô hình chăn nuôi, giúp đỡ các hộ gia đình về kỹ thuật và theo dõi quá trình sinh trưởng, phát triển của đàn bò lai. Với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đồng cỏ tự nhiên đảm bảo thức ăn và điều kiện khí hậu thuận lợi ... đàn bò của vùng nói chung và số bò đầu tư của dự án nói riêng phát triển tốt, tăng trọng nhanh.

-Qua kiểm tra trọng lượng định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng kết quả cụ thể như sau:

+Đối với bò đực: tăng trọng bình quân 10 Kg/ con/ tháng, tính đến tháng 01/ 2001 trọng lượng bình quân số bò đầu tư trong năm 1999 đạt 320Kg/ con (có 02 con đạt trên 350 Kg/ Con).

+Đối với bò cái: tăng trọng bình quân 09 Kg/ con/ tháng, tính đến tháng 01/ 2001 trọng lượng bình quân số bò đầu tư trong năm 1999 đạt 290Kg/ con.

Công thức tính: $P_{(Kg)} = 90 \times VN^2 (cm) \times DTC (cm)$.

-Đàn bò đực giống dùng để lai cải tạo đàn bò địa phương, qua theo dõi 100% bò đực giống đã phát huy tác dụng phối giống cho đàn bò cái địa phương. Tính đến 31/ 12/ 2000, số bò đực giống do dự án đầu tư đã phối giống cho 128 con bò cái địa phương; trong đó đã cho ra đời 16 bê con, bê con sinh ra có ngoại hình đẹp và phát triển nhanh được nhân dân ưa chuộng.

- Số bò cái giống đầu tư năm 1999 (5 con) đã sinh được 05 bê con, hiện đang được tiếp tục theo dõi.

- Tỷ lệ sống đạt 96% (24/ 25 con), chết 01 con do bị thương trong quá trình chăn thả.

Qua triển khai thực hiện các mô hình chăn nuôi bò tại xã IaMLai cho thấy việc đưa giống bò lai Sind và Zebu để cải tạo đàn bò địa phương đã đạt được những kết quả ban đầu rất khả quan:

-Số lượng và chất lượng đàn bò của vùng đã từng bước được cải thiện qua việc lai tạo đàn; bò lai sinh trưởng, phát triển tốt được nhân dân ưa thích.

- Người chăn nuôi bò, nhất là đồng bào dân tộc ít người đã nâng cao được trình độ chăn nuôi; đã xây dựng được các mô hình thay đổi tập quán chăn nuôi từ quảng canh sang chăn nuôi có chuồng trại, đúng kỹ thuật.

-Bước đầu hình thành ý thức chăn nuôi giống lai trong nhân dân và xây dựng thành công các mô hình chăn nuôi theo hướng bán thâm canh, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2.Mô hình chăn nuôi dê Bách Thảo:

Dê Bách Thảo là giống dê đã du nhập vào Việt Nam từ rất lâu, thích nghi tốt với điều kiện khí hậu thời tiết và cho năng suất cao nhất so với các giống dê hiện có

ở nước ta. Tại Gia Lai, giống dê này đã được nuôi ở một số vùng trong tỉnh, cho hiệu quả kinh tế - kỹ thuật cao hơn rất nhiều với giống dê cỏ địa phương. Trong điều kiện nuôi thả bán thâm canh, dê đực trưởng thành có trọng lượng 45- 50 Kg/ con, dê cái có trọng lượng 35 - 40 Kg/ con. Mỗi năm dê cái sinh từ 3- 4 dê con với 06 tháng tuổi đạt trọng lượng 18 - 20 Kg/ con. Để phát triển nhanh số lượng và cải tạo đàn dê địa phương về tầm vóc, thể hình nhằm nâng cao năng suất thịt và mang lại hiệu quả kinh tế, dự án đã đầu tư dê Bách Thảo giống cho các hộ gia đình trong xã. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã đạt được một số kết quả.

2.1. Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... với Trạm truyền giống gia súc tỉnh Gia Lai.

-Trạm truyền giống gia súc tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn chăn nuôi và giao giống đến tận hộ gia đình nhận đầu tư.

-Trạm truyền giống gia súc phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa, UBND xã IaMLăh triển khai ký kết hợp đồng với hộ nông dân và giao, nhận dê giống.

-Trạm đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình suốt trong thời gian thực hiện dự án.

2.2. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật chăn nuôi dê Bách Thảo cho các hộ nông dân trong xã; Tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật chăn nuôi dê Bách Thảo cho 200 lượt người, với các nội dung:

+Đặc điểm giống dê Bách Thảo.

+Yêu cầu chuồng trại.

+Kỹ thuật nuôi dưỡng: thức ăn, chăm sóc, chăn thả, lai tạo giống, sinh sản...

+Vệ sinh thú y và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh.

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật, các hộ chăn nuôi dê trong xã đã cơ bản nắm bắt được các yếu tố kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng giống dê Bách Thảo.

2.3. Cung cấp dê giống:

Giống dê Bách Thảo đưa xuống xã đã được nuôi thích nghi tại Trạm truyền giống gia súc tỉnh Gia Lai. Dê giống đã được chọn lọc đảm bảo đầy đủ các đặc điểm của giống, cả dê đực và dê cái đều ở độ tuổi 14 - 24 tháng tuổi, đảm bảo trọng lượng (bình quân đạt 30 Kg/ con), có ngoại hình đẹp, khỏe mạnh, không bệnh tật và đã được tiêm phòng vắc xin phòng bệnh.

TÌNH HÌNH CUNG CẤP GIỐNG DÊ BÁCH THẢO

Năm	Tổng số	Dê đực giống	Dê cái sinh sản	Số mô hình
1999	25	08	17	12
2000	22	11	11	06
Cộng:	47	19	28	18

-Kinh phí đã đầu tư: 90,00 Triệu đồng- đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Năm 1999: 51,00 Triệu đồng.

+Năm 2000: 39,00 Triệu đồng.

- Số hộ tham gia: 18 Hộ.

2.4.Kết quả theo dõi, quản lý mô hình:

Cán bộ kỹ thuật trực tiếp theo dõi mô hình chăn nuôi, giúp đỡ các hộ gia đình về kỹ thuật chăn nuôi và theo dõi quá trình sinh trưởng, phát triển của đàn dê.

-Kết quả đàn dê Bách Thảo đã sinh trưởng, phát triển tốt và tăng trọng khá; đạt tăng trọng bình quân 02 Kg/ con/ tháng.

Công thức tính: $P_{(Kg)} = 90 \times VN^2 (cm) \times DTC (cm)$.

-Đàn dê cái Bách Thảo đã sinh sản được 82 dê con thuần Bách Thảo, trong đó năm 1999 sinh được 25 con và năm 2000 sinh được 57 con. Dê con có ngoại hình đẹp, phát triển tốt và tăng trọng nhanh, trung bình sau 06 tháng tuổi đạt trọng lượng bình quân 17 - 18 Kg (trong khi đó dê cỏ địa phương có trọng lượng 10 - 11 Kg).

-Đàn dê đực giống Bách Thảo vừa có nhiệm vụ duy trì phối giống cho đàn dê cái Bách Thảo để nâng cao số lượng dê Bách Thảo thuần, vừa có tác dụng lai tạo đàn dê cỏ địa phương. Qua 02 năm thực hiện dự án, dê đực Bách Thảo đã phối giống và cho ra đời 125 con dê lai. Kết quả theo dõi cho thấy dê con lai (dê bố Bách Thảo x dê mẹ địa phương) có ngoại hình đẹp, thích nghi tốt và phát triển nhanh, sau 06 tháng tuổi đạt trọng lượng 14 - 15 Kg/ con.

-Tỷ lệ sống đạt 95,74% (45/ 47 con), chết 01 con do bị bệnh không được chữa trị kịp thời và 01 con bị chết do đẻ khó không xử lý kịp.

Qua triển khai thực hiện các mô hình chăn nuôi dê tại xã IaMLăh cho thấy việc đưa dê giống Bách Thảo để cải tạo đàn dê địa phương đã đạt được những kết quả bước đầu rất khả quan:

-Số lượng và chất lượng đàn dê đã từng bước được cải thiện qua việc nhân nhanh được đàn dê Bách Thảo thuần và tăng nhanh đàn dê lai trên địa bàn xã.

-Người chăn nuôi dê, nhất là đồng bào dân tộc ít người đã nâng cao được trình độ chăn nuôi; đã xây dựng được các mô hình thay đổi tập quán chăn nuôi từ quảng canh sang chăn nuôi có chuồng trại, đúng kỹ thuật.

-Từ đàn dê mẹ sẵn có và giống dê thuần được tăng thêm hàng năm sẽ duy trì và nhân rộng các mô hình sau khi dự án kết thúc. Tạo điều kiện cho các hộ nông dân trên địa bàn tổ chức chăn nuôi dê Bách Thảo, dê lai để tăng thêm việc làm và thu nhập cho kinh tế hộ gia đình.

3.Mô hình chăn nuôi gà Tam Hoàng:

Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển của các giống gà công nghiệp tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá; chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp và thả vườn cũng phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh. Hình thức thức chăn nuôi này tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn của tỉnh và vùng dân tộc ít người. Phát triển chăn nuôi gà thả vườn góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế nông hộ, nếu tổ chức tốt thì mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo. Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đạt được một số kết quả sau:

3.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: giống, chỉ đạo kỹ thuật ... với Trạm truyền giống gia súc tỉnh Gia Lai.

-Trạm truyền giống gia súc tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn chăn nuôi và giao giống đến tận hộ gia đình nhận đầu tư.

-Trạm truyền giống gia súc phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa, UBND xã IaMLăh triển khai ký kết hợp đồng với hộ nông dân và giao, nhận gà giống.

-Trạm đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình suốt trong thời gian thực hiện dự án.

3.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật chăn nuôi gà Tam Hoàng cho các hộ nông dân trong xã; Tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gà Tam Hoàng cho 200 lượt người, với các nội dung:

+Đặc điểm giống gà Tam Hoàng.

+Yêu cầu chuồng trại.

+Kỹ thuật nuôi dưỡng: thức ăn, chăm sóc, chăn thả, lai tạo giống, sinh sản...

+Vệ sinh thú y và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh.

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật, các hộ chăn nuôi gà trong xã đã cơ bản nắm bắt được các yếu tố kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng giống gà Tam Hoàng.

3.3.Cung cấp gà giống:

Giống gà Tam Hoàng đưa xuống xã đã được úm, nuôi tại Trạm truyền giống gia súc tỉnh Gia Lai. Gà giống đã được chọn lọc đảm bảo đầy đủ các đặc điểm của giống, đủ 5 tuần tuổi, đảm bảo trọng lượng bình quân đạt 0,4 - 0,5 Kg/con, gà giống khoẻ mạnh, không bệnh tật và đã được tiêm phòng vắc xin phòng bệnh.

TÌNH HÌNH CUNG CẤP GIỐNG GÀ TAM HOÀNG

Năm	Tổng số	Thức ăn	Dụng cụ	Số mô hình
1999	500	375 Kg	25 bộ	25
2000	500	375 Kg	25 bộ	25
Cộng:	1.000	750 Kg	50 bộ	50

-Kinh phí đã đầu tư: 30,00 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

+Năm 1999: 15,00 Triệu đồng.

+Năm 2000: 15,00 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 50 Hộ.

3.4.Kết quả theo dõi, quản lý mô hình:

Cán bộ trực tiếp theo dõi các mô hình chăn nuôi, giúp đỡ các hộ gia đình về kỹ thuật chăn nuôi và theo dõi quá trình sinh trưởng, phát triển của đàn gà.

-Áp dụng phương thức chăn nuôi thả vườn bằng nguồn thức ăn tại chỗ: bắp, lúa, cán gạo, rau xanh ... với qui mô nhỏ 20 con/ Hộ.

-Kết quả đàn gà Tam Hoàng đã sinh trưởng, phát triển tốt và tăng trọng cao; phù hợp với điều kiện khí hậu và chăm sóc nuôi dưỡng của đồng bào dân tộc.

-Gà giống được tiêm phòng đầy đủ, thường xuyên bổ sung thuốc kháng sinh theo đúng hướng dẫn nên không có hiện tượng dịch bệnh.

-Một số chủ yếu đạt được:

+Gà nuôi 80 - 90 ngày đạt 1,2 - 1,5 Kg/ con.

+Gà mái bắt đầu đẻ bói từ 135 - 140 ngày tuổi.

+Trọng lượng gà trưởng thành:

.Con trống đạt 2,2 - 2,8 Kg/ con.

.Con mái đạt 1,8 - 2,0 Kg/ con.

Qua triển khai thực hiện các mô hình nuôi gà tại xã IaMLăh cho thấy việc đưa giống gà Tam Hoàng vào cơ cấu giống gai cầm địa phương đã đạt được những kết quả ban đầu:

-Kỹ thuật chăn nuôi đơn giản, công chăm sóc ít, thức ăn dễ cung cấp, chuồng trại đơn giản ... do đó hiệu quả kinh tế mang lại cao.

+Gà trưởng thành có chất lượng tốt được nhân dân ưa chuộng.

+Trứng gà đã được nhân dân trong vùng ấp tạo ra gà con và phát triển rộng mô hình.

+Gà trống có ngoại hình đẹp đã được nhân dân giữ lại lai với mái gà địa phương tạo ra giống có năng suất cao.

-Các hộ nuôi gà Tam Hoàng, nhất là dân tộc ít người đã làm quen với việc áp dụng giống mới trong chăn nuôi; dự án đã xây dựng được các mô hình góp phần tập quán chăn nuôi từ quảng canh sang chăn nuôi bán công nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao.

VI.MÔ HÌNH ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI:

Cây thuốc lá sợi vàng có giá trị kinh tế cao, thích nghi với điều kiện sinh thái của huyện Krông Pa nói chung, xã IaMLăh nói riêng. Theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Krông Pa, trong những năm đến cây thuốc lá sợi vàng là một trong những cây trồng chủ lực của vùng. Tuy nhiên, trong những năm qua nhân dân trong vùng chế biến theo phương thức thủ công, mang tính truyền thống gia đình nên chất lượng lá thuốc không đảm bảo, dẫn đến giá bán thấp và thường bị tư thương ép giá. Để đảm bảo tiêu chuẩn thuốc lá do các nhà máy chế biến qui định, dự án đã đầu tư xây dựng các lò sấy tiên tiến để làm mô hình trình diễn cho nhân dân học tập làm theo.

1.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng chuyển giao công nghệ: kỹ thuật xây dựng lò sấy, kỹ thuật sấy thuốc ... với Công ty Thương mại Krông Pa (có sự tư vấn của Công ty thuốc lá Nam).

-Công ty Thương mại Krông Pa tổ chức tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh cây thuốc lá cho các hộ gia đình tham gia dự án.

-Công ty Thương mại Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMLăh triển khai ký kết hợp đồng với hộ nông dân và chỉ đạo khâu xây dựng và chế biến điểm.

-Công ty Thương mại Krông Pa đã cử 01 cán bộ kỹ thuật theo dõi mô hình suốt trong thời gian thực hiện dự án.

1.2.Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

-Tổ chức in ấn và phát hành 100 bản tài liệu kỹ thuật thâm canh cây thuốc lá sợi vàng cho các hộ nông dân trong xã; tài liệu được biên soạn theo dạng qui trình, ngắn gọn, dễ hiểu và phù hợp với nhận thức của người đồng bào dân tộc địa phương.

-Tổ chức 02 đợt tập huấn kỹ thuật thâm canh cây thuốc lá sợi vàng cho 200 lượt người, với các nội dung:

+Kỹ thuật làm đất.

+Kỹ thuật chăm sóc, làm cỏ, bón phân.

+Kỹ thuật phòng, trừ sâu bệnh.

+Thu hoạch và sơ chế bảo quản thuốc lá ...

Qua công tác chuyển giao kỹ thuật và thực hiện các mô hình, các hộ trồng cây thuốc lá trong xã đã cơ bản nắm bắt được các kỹ thuật trồng, chăm sóc cây thuốc lá sợi vàng.

1.3. Tình hình kết quả thực hiện:

-Xây dựng lò sấy thuốc lá: 05 lò.

+Năm 1999: 02 lò.

+Năm 2000: 03 lò.

-Kinh phí đã đầu tư: 53,50 Triệu đồng - đạt 100% tổng kinh phí đã được duyệt (đầu tư vượt 3,50 Triệu đồng so với kinh phí đã được phê duyệt do trượt giá).

+Năm 1999: 20,00 Triệu đồng.

+Năm 2000: 33,50 Triệu đồng.

-Số hộ tham gia: 05 Hộ.

-Thiết kế lò sấy: do Công ty thuốc lá Nam - Tổng công ty thuốc Việt Nam chuyển giao.

-Quy trình kỹ thuật thâm canh cây thuốc lá sợi vàng: theo qui trình của Sở NN & PTNT Gia Lai.

-Thời gian: Trong 02 năm 1999 - 2000.

Qua 02 năm triển khai thực hiện mô hình, dự án đã giúp cho các hộ nông dân trong xã tiếp cận với việc áp dụng tiến bộ khoa học- kỹ thuật vào sản xuất, thay thế lò sấy từ nguyên liệu bằng củi sang lò sấy than. Chất lượng thuốc lá sau khi đưa vào chế biến đã được nâng lên, đảm bảo tiêu chuẩn do các nhà máy qui định. Ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế, mô hình đã góp phần bảo vệ môi trường sinh thái thông qua việc hạn chế chặt phá cây rừng làm củi sấy.

VII. MÔ HÌNH CHĂM SÓC SỨC KHOẺ BAN ĐẦU CHO NHÂN DÂN:

Nhằm từng bước thay đổi tập quán sinh hoạt lạc hậu, nâng cao sức khỏe cộng đồng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng; trong 02 năm 1999-2000, dự án đã triển khai thực hiện 02 mô hình về bảo vệ, cải tạo vệ sinh môi trường sinh hoạt: sử dụng nước giếng khoan và xây dựng chăn nuôi chuồng trại cố định.

1. Mô hình sử dụng nước giếng hợp vệ sinh:

Nước sinh hoạt là một trong những vấn đề khó giải quyết của chính quyền nhân dân trong vùng dự án; trong những năm trước đây nhân dân trong vùng chủ yếu sử dụng nước suối, nước khe ... phục vụ sinh hoạt, không đảm bảo về mặt phòng dịch. Để từng bước hướng dẫn nhân dân trong vùng sử dụng nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh, dự án đã đầu tư hỗ trợ xây dựng 10 giếng khoan bơm lắc tay.

1.1. Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng xây dựng giếng khoan bơm lắc tay với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Gia Lai.

-Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Gia Lai phối hợp với UBND xã IaMLăh ký kết hợp đồng đầu tư với hộ nông dân.

-Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Gia Lai đã tổ chức khoan giếng và theo dõi mô hình suốt thời gian thực hiện dự án.

1.2.Tình hình và kết quả thực hiện:

-Xây dựng giếng khoan bơm lắc tay: 10 giếng.

-Kinh phí đã đầu tư: 60,00 Triệu đồng (6,00 Triệu đồng/ giếng) - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

-Số hộ tham gia: 10 Hộ.

-Thời gian thực hiện: trong năm 1999.

Qua theo dõi nhận thấy các chỉ tiêu kỹ thuật kỹ thuật đã đảm bảo theo thiết kế; hiện tại 100% giếng đang phát huy tác dụng tốt, được nhân dân sử dụng phục vụ có hiệu quả cho sinh hoạt. Giếng nước đã xây dựng ở các điểm dân cư tập trung, lượng nước trong mùa khô đảm bảo phục vụ cho 8 - 10 hộ/ 01 giếng. Chất lượng nước đảm bảo đủ tiêu chuẩn cung cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân, được nhân dân trong xã chấp nhận sử dụng. Mô hình đã được các cấp chính quyền ủng hộ, nhân rộng; từ 10 giếng do dự án đầu tư đến nay Chương trình 135 (xoá đói giảm nghèo) đầu tư xây dựng thêm trên 20 giếng.

2.Mô hình chuồng trại chăn nuôi:

Do điều kiện tự nhiên và tập quán sinh hoạt, trong những năm trước đây nhân dân trong vùng tổ chức chăn nuôi theo lối quảng canh; gia súc được thả thả tự nhiên, không có chuồng trại cố định. Hầu hết gia súc được thả rông trong rừng và bên dưới nhà sàn nhà gây mất vệ sinh môi trường; để từng bước khắc phục tình trạng trên, dự án đã đầu tư cho 15 hộ gia đình xây dựng chuồng trại chăn nuôi bò cố định để từ đó làm điểm trình diễn nhân rộng.

2.1.Tổ chức thực hiện mô hình:

Ban chủ nhiệm dự án đã ký hợp đồng xây dựng chuồng trại chăn nuôi bò với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Krông Pa.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Krông Pa phối hợp với UBND xã IaMLăh ký kết hợp đồng đầu tư với hộ nông dân.

-Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Krông Pa đã tổ chức xây dựng chuồng trại và theo dõi mô hình suốt trong thời gian thực hiện dự án.

2.2.Tình hình và kết quả thực hiện:

-Xây dựng chuồng trại chăn nuôi bò: 15 chuồng.

-Kinh phí đã đầu tư: 30,00 Triệu đồng (2,00 Triệu đồng/ chuồng) - đạt 100% tổng kinh phí đã được phê duyệt.

-Số hộ tham gia: 15 Hộ.

-Thời gian thực hiện: trong năm 1999.

Qua theo dõi nhận thấy các chỉ tiêu kỹ thuật đã đảm bảo theo thiết kế; hiện tại các chuồng trại đang được sử dụng có hiệu quả. Ngoài việc đảm bảo vệ sinh môi trường, nhân dân đã có điều kiện thu gom phân phục vụ cho chăm sóc cây trồng và bò cũng đã sinh trưởng phát triển tốt do được chăm sóc đúng kỹ thuật. Hiện tại mô hình này đã được nhân dân trong vùng học tập làm theo; Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh đã áp dụng, hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc ít người phát triển mạnh mô hình này trong toàn tỉnh.

VIII. HIỆU QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN:

Tuy thời gian thực hiện ngắn, một số nội dung và mô hình chưa phát huy hết hiệu quả; nhưng nhìn chung dự án đã bước đầu thu được những kết quả khả quan về mặt kinh tế- xã hội:

1. Hiệu quả về kinh tế:

1.1. Đối với mô hình cây lúa nước:

05 Ha x 6 Tấn/ Ha = 30 Tấn.

30 Tấn x 1.650.000 đồng/ Tấn = 49.50 Triệu đồng.

1.2. Đối với mô hình cây lúa cạn:

10 Ha x 2 Tấn/ Ha = 20 Tấn.

20 Tấn x 1.650.000 đồng/ Tấn = 33.00 Triệu đồng.

1.3. Đối với mô hình cây Điều ghép:

Do mới đầu tư được 02 năm nên chưa cho thu hoạch, nhưng hiện tại vườn Điều sinh trưởng và phát triển tốt, tạm tính giá trị vườn theo tổng vốn đầu tư là: 51,57 Triệu đồng.

1.4. Đối với mô hình cây Điều thâm canh:

10 Ha x 0,8 Tấn/ Ha = 08 Tấn.

08 Tấn x 8.000.000 đồng/ Tấn = 64,00 Triệu đồng.

1.5. Đối với mô hình con Bò Lai:

*Bò đực giống đã đầu tư: 14 con.

14 con x 330 Kg/ con = 4.620 Kg.

*Bò cái giống đã đầu tư: 10 con (chết 01 con do bị thương trong chân thả).

10 con x 300 Kg/ con = 3.000 Kg.

Tổng trọng lượng hiện nay của đàn bò đã đầu tư là: 7.620 Kg

7.620 Kg x 25.000 đồng/ Kg = 190,50 Triệu đồng.

Chưa tính giá trị đàn bò lai sinh ra (cả bò con do bò cái của dự án sinh ra và giá trị tăng thêm của bò con do bò đực của dự án lai với bò địa phương sinh ra)

1.6. Đối với mô hình con Dê Bách Thảo:

*Dê đực giống đã đầu tư: 19 con.

19 con x 58 Kg/ con = 1.102 Kg.

*Dê cái giống đã đầu tư: 26 con (chết 02 con do bệnh và đẻ khó).

26 con x 50 Kg/ con = 1.300 Kg.

*Dê con thuần sinh ra trong năm 1999: 25 con

25 con x 30 Kg/ con = 750 Kg.

Tổng trọng lượng hiện nay của đàn bò đã đầu tư là: 3.152 Kg.

$3.152 \text{ Kg} \times 40.000 \text{ đồng/Kg} = 126,08 \text{ Triệu đồng.}$

Chưa tính giá trị đàn dê con Bách thảo thuần và đàn dê con lai sinh ra trong năm 2000.

1.7.Đối với mô hình lò sấy thóc lá sợi vàng: lấy giá trị đầu tư ban đầu là 53,50 Triệu đồng.

1.8.Đối với mô hình giếng nước: lấy giá trị đầu tư ban đầu là 60,00 Triệu đồng.

1.9.Đối với mô hình chuồng trại chăn nuôi: lấy giá trị đầu tư ban đầu là 30,00 Triệu đồng.

Tổng cộng: 657,10 Triệu đồng.

(Sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng)

2.Hiệu quả về mặt xã hội:

-Dự án đã góp phần tạo thêm ngành nghề mới và việc làm cho người lao động thông qua các mô hình: phát triển cây Điều ghép, chăn nuôi gà Tam Hoàng...

-Đã từng bước nâng cao trình độ dân trí và hình thành ý thức áp dụng tiến bộ Khoa học- Công nghệ mới trong vùng đồng bào dân tộc ít người thông qua nội dung đào tạo và tập huấn kỹ thuật.

-Xây dựng thành công các mô hình, điểm sáng về áp dụng tiến bộ Khoa học- Công nghệ mới, cách thức làm ăn mới trong cộng đồng người dân tộc địa phương.

-Trên cơ sở nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là các hộ đói, nghèo đã góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội.

-Từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con vật nuôi của vùng theo hướng sản xuất hàng hóa.

3.Hiệu quả về mặt kỹ thuật:

-Cung cấp những cơ sở thực tế góp phần đúc kết, hoàn thiện mô hình phát triển Kinh tế- Xã hội nông thôn miền núi theo hướng bền vững trên cơ sở áp dụng các thành tựu tiến bộ Khoa học- Công nghệ mới.

-Xây dựng, hoàn thiện qui trình sản xuất một số loại cây trồng, con vật nuôi phù hợp với những vùng kinh tế còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh.

-Đã từng bước phổ cập rộng rãi kiến thức Khoa học- Công nghệ mới cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người nơi còn thiếu các thông tin về tiến bộ Khoa học- Công nghệ.

4.Hiệu quả về mặt môi trường:

-Góp phần cải thiện môi trường của vùng thông qua các mô hình: phát triển cây Điều để nâng cao độ che phủ đất, sử dụng lò sấy than đá thay thế cho lò sấy bằng củi để hạn chế chặt phá rừng, phát triển mô hình chuồng trại chăn nuôi để thu gom phân khắc phục tập quán chăn nuôi thả rông gây mất vệ sinh môi trường.

-Góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua mô hình sử dụng nước giếng hợp vệ sinh.

5. Khả năng nhân rộng mô hình:

Qua 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã hoàn thành toàn bộ các nội dung đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu đã đề ra. Trong quá trình thực hiện, dự án đã xây dựng được một số mô hình trình diễn để nhân dân trong vùng học tập, làm theo trên cơ sở đó nhân rộng ra các vùng lân cận như: sử dụng giống Bò lai, Dê Bách Thảo để lai cải tạo đàn gia súc địa phương, mô hình chăn nuôi Gà Tam Hoàng (thả vườn), mô hình sử dụng giống lúa mới, áp dụng qui trình thâm canh. . . Hiện nay nhân dân trong vùng đã giữ giống, đổi giống và cho giống lẫn nhau để cùng sản xuất. Tuy nhiên, đối với những vùng khác, xã khác do nhiều yếu tố tác động như: tập quán, trình độ dân trí thấp, giao thông khó khăn. . . nên vấn đề học tập làm theo còn hạn chế; đối với các loại giống cây trồng, con vật nuôi có giá trị thấp: giống lúa, giống gà. . . thì thuận lợi trong việc nhân rộng, nhưng đối với những mô hình đòi hỏi vốn đầu tư lớn thì việc nhân rộng còn nhiều hạn chế như: giống Bò lai, Dê Bách Thảo, giếng nước. . .

PHẦN THỨ TƯ **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. KẾT LUẬN:

Qua 02 năm triển khai thực hiện, dự án đã bám sát các mục tiêu, hoàn thành toàn bộ các nội dung theo đúng tiến độ đã được Ban chủ nhiệm Chương trình nông thôn miền núi của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phê duyệt. Toàn bộ các nội dung của dự án đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng định mức đã được thẩm định và phê duyệt, các mô hình đã sử dụng 100% vốn đầu tư. Trước khi triển khai thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm dự án đã công khai toàn bộ nội dung và kinh phí đầu tư các mô hình cho chính quyền địa phương và nhân dân theo dõi, giám sát. Trong khi chọn hộ thực hiện các nội dung của dự án, Ban chủ nhiệm dự án đã phát huy tính chủ động của nhân dân và các cấp chính quyền trong việc bình bầu, lựa chọn hộ tham gia trên cơ sở các tiêu chuẩn đã được đề ra. Trong quá trình thực hiện, Ban chủ nhiệm dự án đã tranh thủ sự tham gia, quản lý, chỉ đạo của UBND huyện và UBND xã; do đó toàn bộ các nội dung của dự án đã được nhân dân thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng qui định. Qua 02 năm triển khai thực hiện dự án đã góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ dân trí và hình thành ý thức áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất - đời sống. Kết quả thành công của các mô hình đã tạo cơ sở khoa học cho việc khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng, từng bước góp phần thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát triển. Dự án đã xây dựng thành công các mô hình trình diễn có sức thuyết phục cao và đã đạt được kết quả bước đầu trong việc nhân rộng mô hình ra các vùng xung quanh.

1. Xây dựng thành công các mô hình áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ mới về: giống, kỹ thuật thâm canh ... cây lương thực: lúa nước và lúa cạn. Năng suất cây lúa nước của mô hình tăng gấp 1,5 lần; cây lúa cạn tăng gấp 2 lần so với sản xuất đại trà. Nhân dân trong vùng đã bước đầu áp dụng có hiệu quả qui trình kỹ thuật thâm canh và nhân rộng các giống lúa mới do dự án khuyến cáo.

2. Xây thành công mô hình trồng mới cây Điều ghép, thâm canh tăng năng suất cây Điều ...; từ đó góp phần tích cực trong việc thúc đẩy phát triển nhanh diện tích cây Điều của xã và toàn vùng. Năng suất mô hình thâm canh cây Điều đã tăng gấp 2,5 lần so với sản xuất đại trà; qui trình thâm canh cây Điều được nhân dân trong vùng áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất. Qua thực hiện thành công mô hình cây Điều ghép, trong năm 2001 UBND tỉnh đã đầu tư cho huyện Krông Pa xây dựng/vườn Điều ghép giống với diện tích 100 Ha.

3. Xây dựng thành công các mô hình phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm: Bò lai, Dê Bách Thảo, Gà Tam Hoàng bằng biện pháp cơ cấu giống lai vào đàn gia súc, gia cầm địa phương. Qua 02 năm thực dự án, số lượng và chất lượng đàn gia

sức, gia cầm của vùng được nâng lên rõ rệt; hiện nay xã IaMLăh có tỷ lệ bò lai đạt cao nhất trong cả tỉnh.

4. Hỗ trợ nhân dân áp dụng thành công công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch, thông qua việc đầu tư lò sấy thuốc lá lá sợi vàng. Thành công của mô hình đã góp phần vào việc hạn chế nạn chặt phá rừng làm củi đốt và nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch.

5. Dự án đã góp phần cải thiện một bước đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư qua việc hỗ trợ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các loại dịch bệnh ... thông qua việc xây dựng hệ thống giếng nước, xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư. bộ mặt của vùng dự án đã được cải thiện rõ rệt.

6. Từng bước nâng cao ý thức áp dụng tiến bộ Khoa học - Công nghệ mới vào sản xuất và đời sống thông qua công tác: đào tạo huấn luyện cán bộ, tập huấn kỹ thuật, hội nghị đầu bờ, tài liệu kỹ thuật ...

II. KIẾN NGHỊ :

Để các dự án được triển khai thuận lợi, đạt các mục tiêu do chương trình đề ra, kính đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ & Môi trường, Ban chủ nhiệm Chương trình nông thôn miền núi quan tâm một số vấn đề sau :

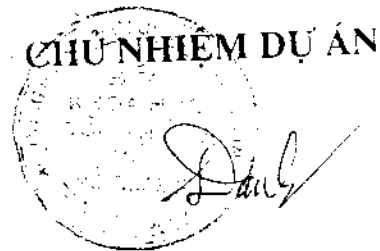
1- Do đặc thù của một Tỉnh Tây Nguyên miền núi có trên 50% dân số là đồng bào dân tộc ít người nên trình độ nhận thức và tiếp thu ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ còn nhiều hạn chế; GiaLai rất cần sự đầu tư, hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện các dự án mang tính phổ biến, chuyển giao và áp dụng các tiến bộ Trung ương nghiên cứu triển khai tiếp tục pha 2 của chương trình giai đoạn 2001 - 2005

2- Để có cơ sở đánh giá chính xác hiệu quả triển khai thực hiện các mô hình, đặc biệt là nội dung liên quan đến cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả...; đề nghị bộ khoa học, Công nghệ và Môi trường nghiên cứu kéo dài thời gian thực hiện dự án lên 3 năm thay vì 2 năm như trước đây.

3- Cải tiến cơ chế xét duyệt, thẩm định và cấp phát kinh phí kịp thời để các dự án chủ động triển khai thực hiện theo đúng tiến độ, nhất là các nội dung liên quan đến sản xuất nông nghiệp đòi hỏi tính thời vụ cao.

4- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cần nghiên cứu điều chỉnh và ban hành định mức chi thống nhất cho cả chương trình, để tạo điều kiện thuận lợi khi xây dựng và tổ chức duyệt các dự án.

5 - Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Khoa học - Công nghệ địa phương với các cơ quan chuyển giao công nghệ; đặc biệt là giữa cơ quan chuyển giao công nghệ Trung ương với lực lượng cán bộ khoa học địa phương. Trong quá trình thực hiện không nên giao toàn bộ nội dung của dự án cho cơ quan chuyển giao công nghệ thực hiện mà cần phải có sự tham gia tích cực của cán bộ kỹ thuật địa phương, vì lực lượng này nắm bắt rất kỹ điều kiện thực tế của địa bàn, cả về Tự nhiên - Kinh tế - Xã hội và con người của vùng dự án.



TS. Nguyễn Văn Sơn